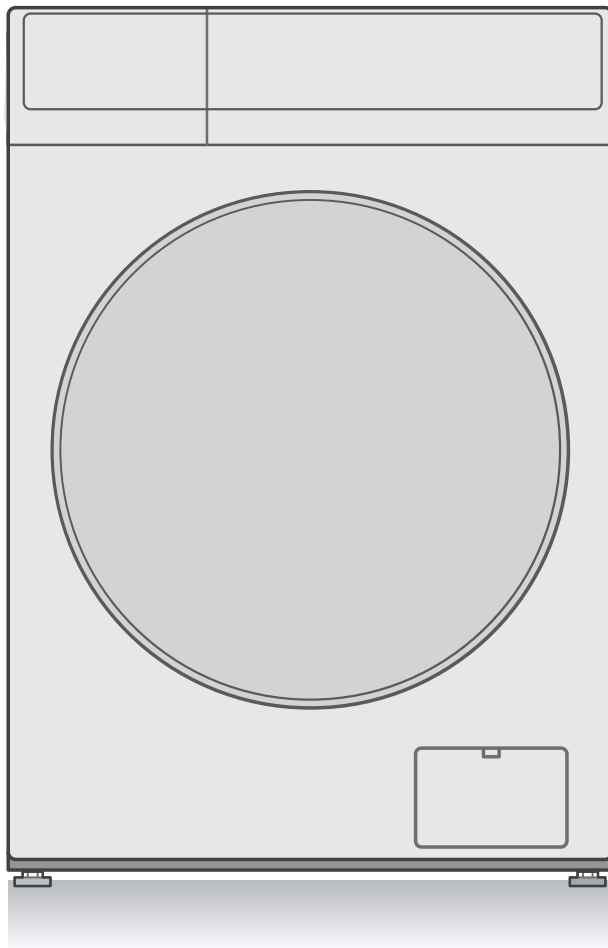


Hướng dẫn Vận hành & Lắp đặt

Máy giặt (Dùng cho gia đình)

Số model **NA-164JF1**



Cần đọc những hướng dẫn này.

VN

Cảm ơn quý khách đã lựa chọn sản phẩm của Panasonic.

- Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm vận hành tối ưu và an toàn.
- Vui lòng giữ và bảo quản sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.
- Sách hướng dẫn này có thể thay đổi về mặt kỹ thuật cho phù hợp hơn mà không cần thông báo trước.

Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Kiểm tra máy giặt	6
Trước khi giặt	7
Bảng điều khiển	9
Bột giặt	11
Giặt	13
Danh sách chương trình	15
Chi tiết chương trình	17
Mẹo giặt đồ	18
Thay đổi cài đặt chương trình	19
Thay đổi cài đặt thiết bị	22
Bảo dưỡng	23
Xử lý sự cố	26
Hiển thị lỗi	32
Chọn vị trí phù hợp	34
Di chuyển và Lắp đặt	35
Nối đường ống	37
Chạy thử	39
Thông số kỹ thuật	40



10023201

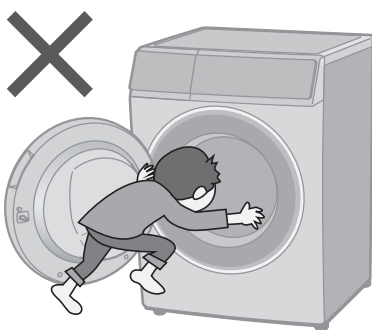
Lưu ý về An toàn



CẢNH BÁO

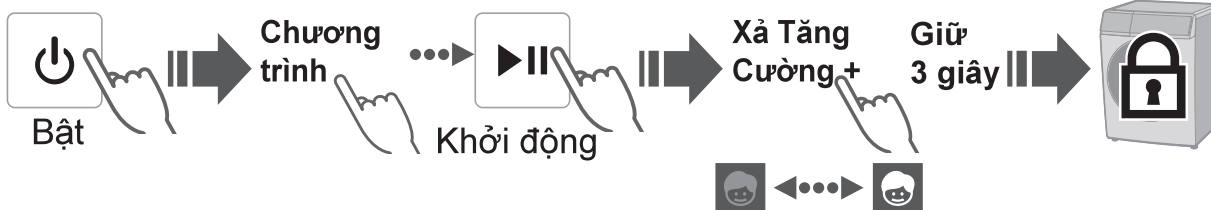
Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm



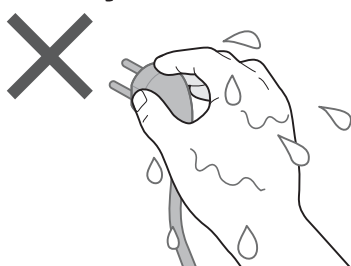
- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được một người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ giám sát hoặc hướng dẫn sử dụng.
- Cần giám sát trẻ nhỏ, để phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Cài đặt Khóa An Toàn (Tr. 22)

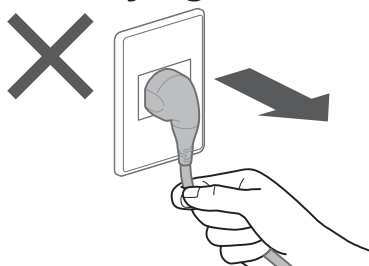


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

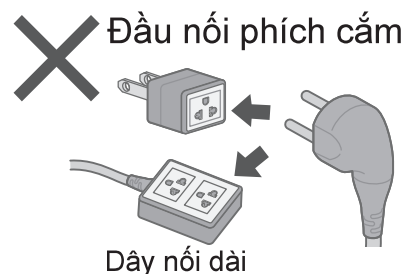
Không chạm khi tay ướt



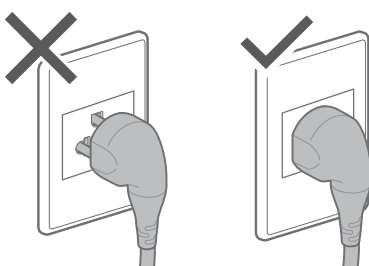
Không cầm hoặc kéo dây nguồn



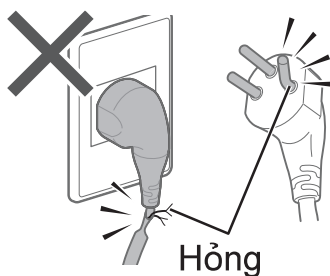
Không sử dụng



Cắm chặt

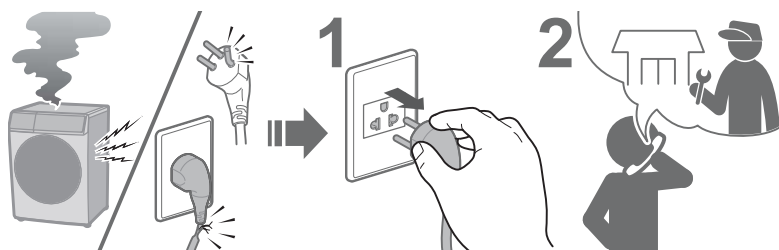


Không sử dụng



- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn bị hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

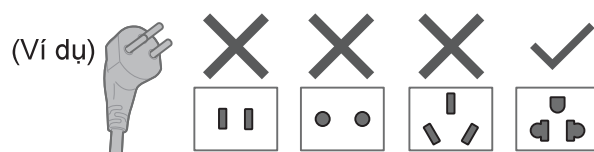
Trong trường hợp dây nguồn bị lỗi hoặc bị hỏng, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên



Lắp đặt dây nối đất chắc chắn
Yêu cầu kỹ thuật viên thay ổ cắm mới

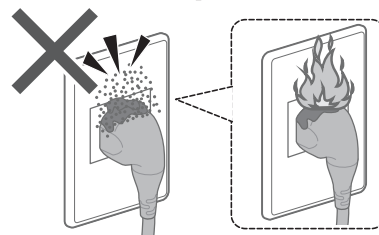


Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này



- Hình dạng phích cắm, ổ cắm và yêu cầu về định mức thay đổi tùy theo khu vực.

Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn



Vệ sinh phích cắm định kỳ

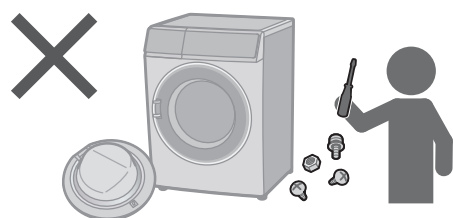


Đề các vật liệu dễ cháy cách xa thiết bị



Có thể gây hỏng hóc

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc điều chỉnh thiết bị



- Giữ khoảng cách tối thiểu 15 cm tới bộ phận gắn của máy trợ tim.
- Tránh xa thiết bị y tế và thiết bị điều khiển tự động (cửa tự động, thiết bị báo cháy, v.v.).

Lưu ý về An toàn (tiếp)

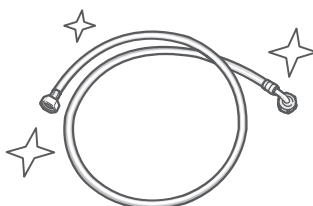
⚠ CHÚ Ý

Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước



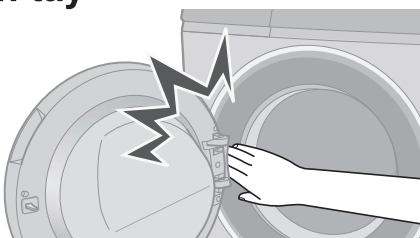
Sử dụng bộ ống nước mới



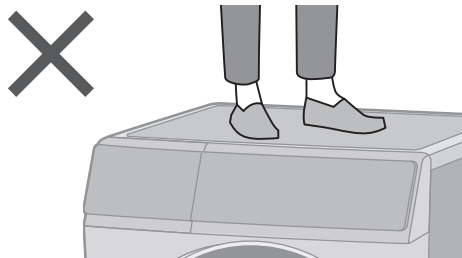
- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

Có thể gây chấn thương

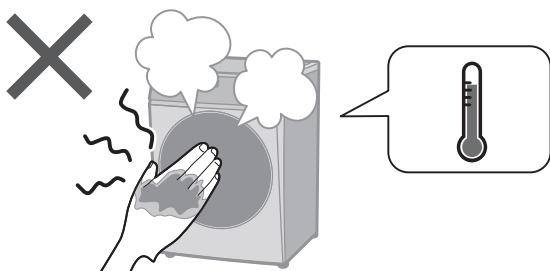
Cẩn thận để tránh bị kẹp ngón tay



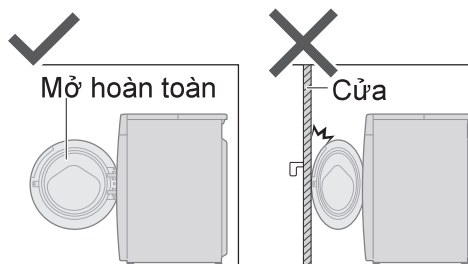
Không leo lên thiết bị



Không chạm khi thiết bị còn nóng



Lắp đặt thiết bị đúng cách



- Không được lắp đặt thiết bị phía sau cửa có khóa, cửa trượt hoặc cửa có bản lề ở phía đối diện với cửa thiết bị, để không làm hạn chế việc mở hoàn toàn cửa thiết bị.

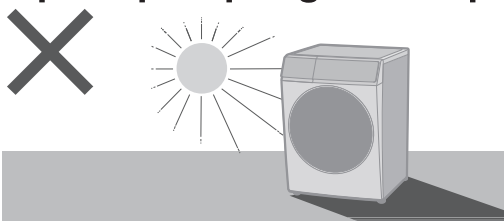
■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 40.



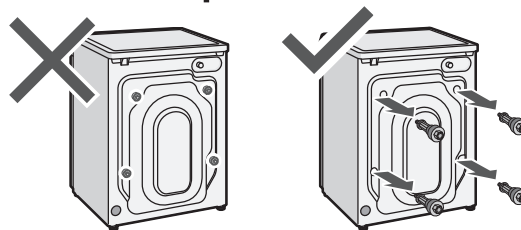
CHÚ Ý

Có thể gây hỏng hóc

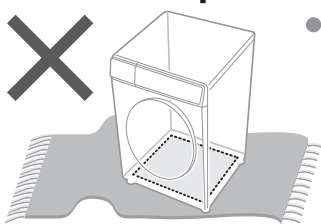
Tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt



Tháo các bu lông neo bệ máy trước khi vận hành



Không gây cản trở hoạt động của thiết bị

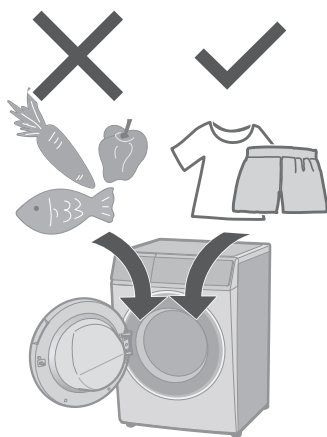


- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v

Không kết nối với nguồn nước nóng

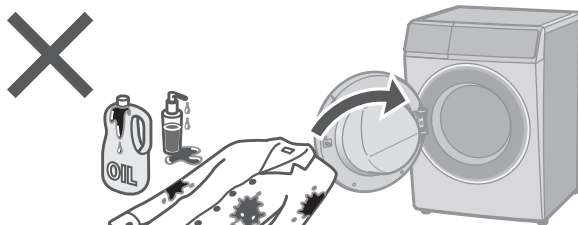


Chỉ sử dụng máy giặt cho những đồ có thể giặt máy

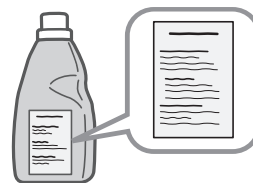


- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không phù hợp để sử dụng trong các trường hợp sau:
 - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
 - nhà ở trang trại;
 - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
 - mô hình phục vụ giường ngủ đêm và bữa sáng;
 - khu vực dùng chung trong các tòa nhà chung cư hoặc tiệm giặt là.

Không giặt quần áo dính quá nhiều dầu mỡ



Thực hiện theo hướng dẫn



- Nên sử dụng nước xả vải, hoặc các sản phẩm tương tự theo hướng dẫn sử dụng.

Kiểm tra Máy giặt

Tên các bộ phận

Ngăn đựng chất giặt tẩy (Tr. 11)

Bảng điều khiển
(Tr. 9)

Cửa

Lồng giặt

Bản lề

Gioăng cửa

Chân có thể điều chỉnh
(Tr. 36)

Nắp lọc thoát nước
(Tr. 25)

Ống xả
(Tr. 37, 38)

Đường nước vào
(Tr. 38)

Bu lông neo
bệ máy (Tr. 36)

Dây nguồn và phích cắm*

* Hình dạng phích cắm thay đổi tùy theo khu vực.

Phụ kiện

□ Cút nối (1)
(Tr. 38)

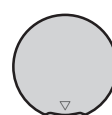


□ Nắp che (4) (Tr. 36)



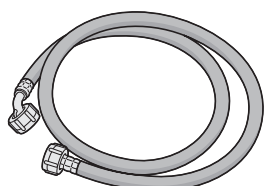
(dành cho bu lông neo)

□ Nắp che (1) (Tr. 35)

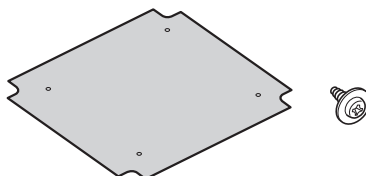


(dành cho phích cắm)

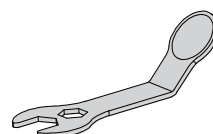
□ Ống cấp nước (1)
(Tr. 37, 38)



□ Tấm đáy (1) / Vít (4)
(Tr. 35)



□ Cờ lê (1)

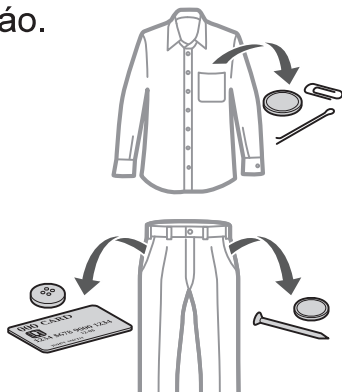


Trước khi giặt

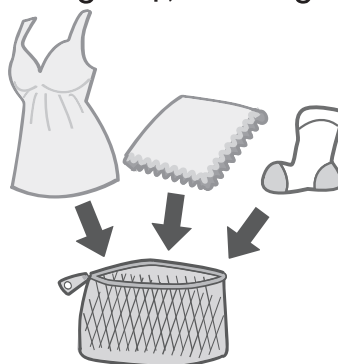
Chuẩn bị giặt

Trước khi cho quần áo vào máy

- Kiểm tra kỹ các vật dụng cá nhân và các vật sắc nhọn còn lẫn trong quần áo.

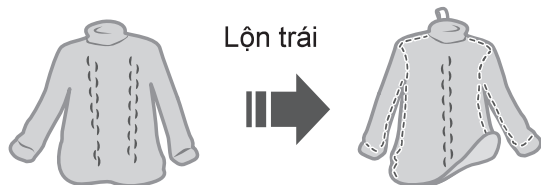
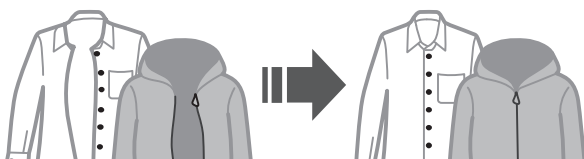


- Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng và các món đồ nhỏ.



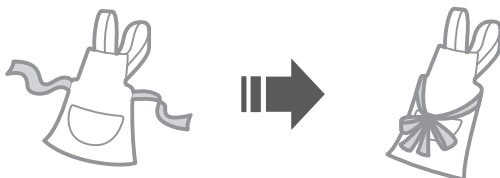
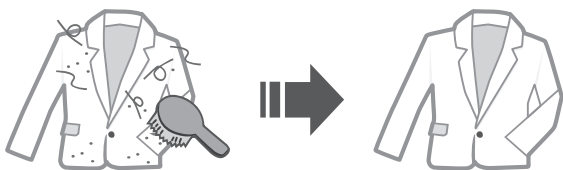
Trước khi giặt (tiếp)

Kiểm tra trước khi giặt

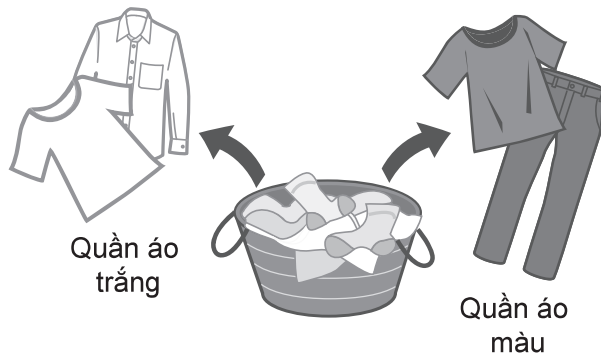


Lộn trái

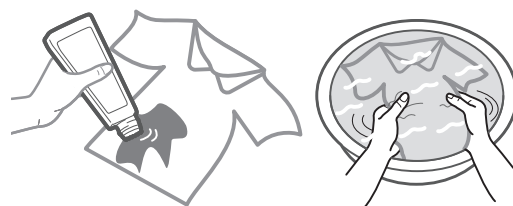
Quần áo có thể bị xoắn



• Giặt riêng



• Xử lý sơ bộ các vết bẩn khó giặt



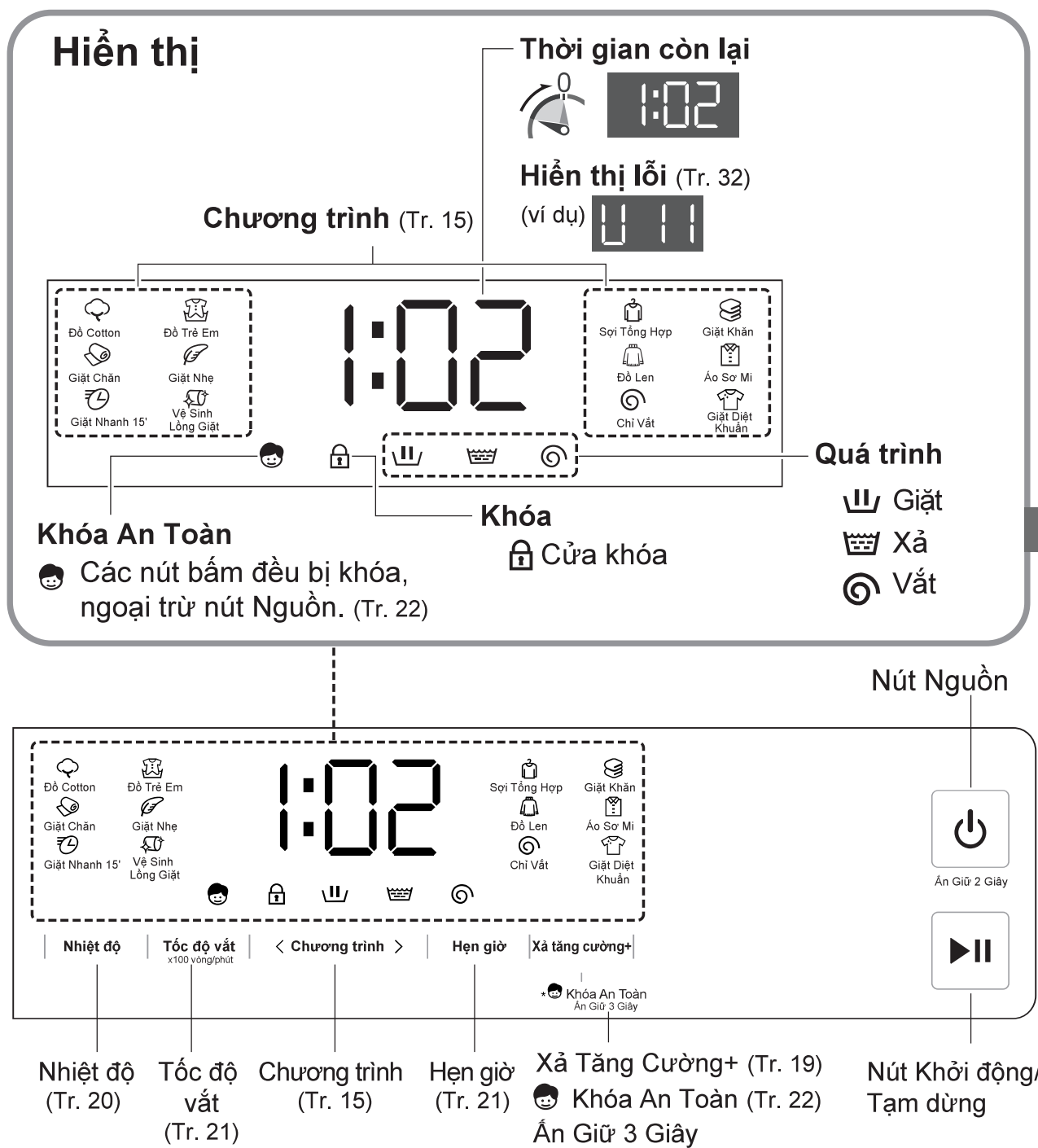
• Xem nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo



- Quần áo dành cho trẻ nhỏ & làn da nhạy cảm

Bảng điều khiển

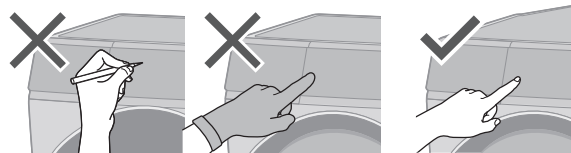
• Các hướng dẫn này sử dụng hình ảnh của NA-164JF1, trừ khi có chỉ dẫn khác.



Bảng điều khiển (tiếp)

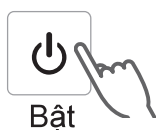
Thao tác cảm ứng

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy ngay lập tức tắt máy và lau bằng khăn, v.v. (Nguyên nhân sự cố).



LƯU Ý

- Không vận hành ➡ tắt nguồn tự động



(Không ấn )
5 phút

Tắt nguồn
tự động

- Trong trường hợp mất điện

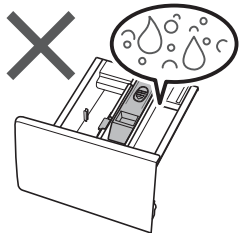
➡ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ thời điểm dừng lại. (Tự động khởi động lại)

Bột giặt/Nước giặt • Làm theo hướng dẫn trên bao bì.

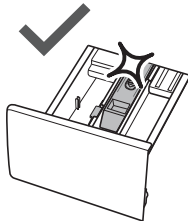
Bột giặt/Nước giặt

Sử dụng bột giặt/nước giặt ít bột.

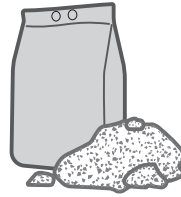
- Để tránh bột giặt còn sót lại trong ngăn chứa chất giặt tẩy:



Ướt



Khô

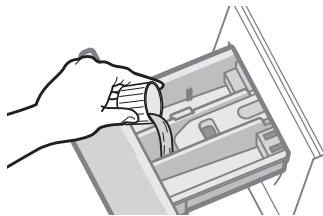


Vón cục

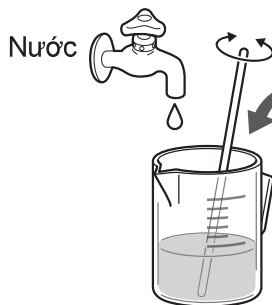


Bột

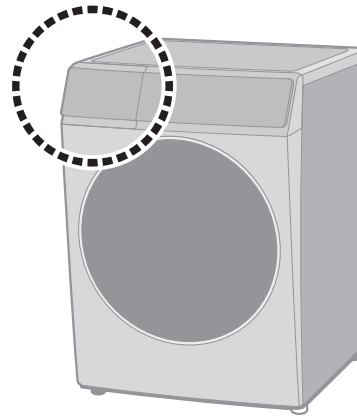
Nước xả vải



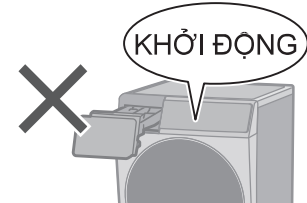
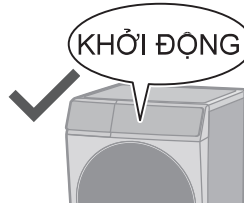
Nước xả bị
tách lớp hoặc
đông đặc



Nước xả
đậm đặc



LƯU Ý



Bột giặt/Nước giặt (tiếp)

II/ Giặt thường

Bột giặt



Nước giặt

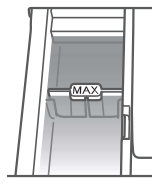


Chất tẩy



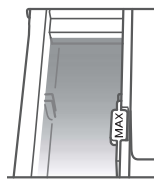
Chất tẩy
axit mạnh

Nước giặt

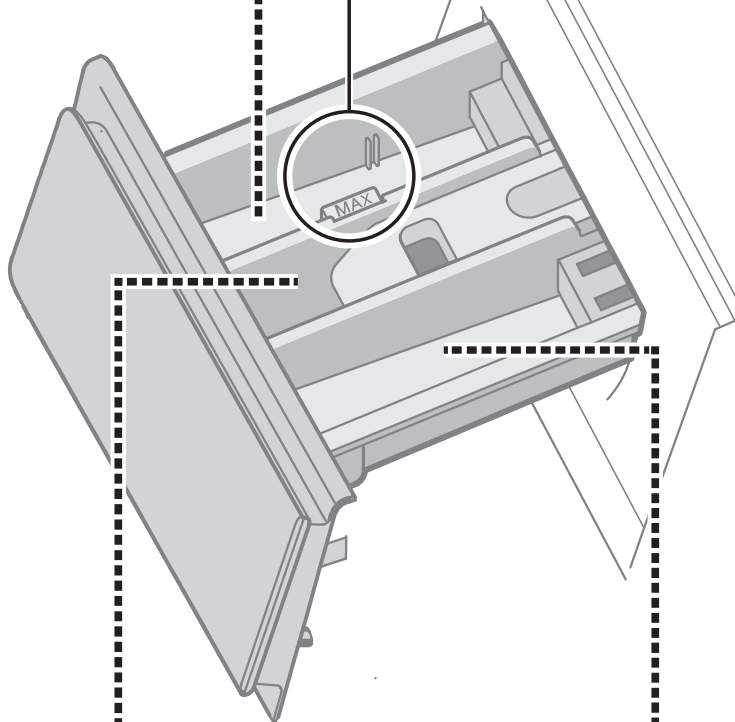


Khi sử dụng nước giặt, hãy đặt tấm phụ kiện nước giặt vào ngăn giặt thường, sau đó đổ nước giặt vào ngăn hộp chứa nhỏ phía trên tấm phụ kiện nước giặt.

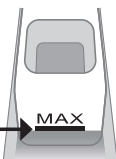
Bột giặt



Khi sử dụng bột giặt, hãy tháo tấm phụ kiện nước giặt và đặt lại vị trí ban đầu.



III/ Nước xả



IV/ Giặt sơ

Giặt sơ chỉ áp dụng cho chế độ giặt “Đồ trẻ em”. Hãy cho bột giặt hoặc nước giặt vào ngăn giặt sơ này khi chọn chế độ giặt “Đồ trẻ em”. Quần áo sẽ được giặt hai lần.

Đầu tiên, chất giặt tẩy trong ngăn giặt sơ có thể giặt sạch một phần bụi bẩn trên quần áo, sau đó chất giặt tẩy trong ngăn giặt thường có thể giặt quần áo sạch hơn.

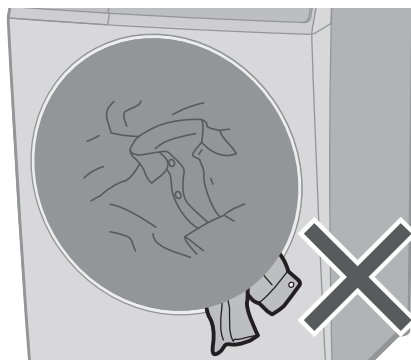
Giặt

Phương pháp cơ bản

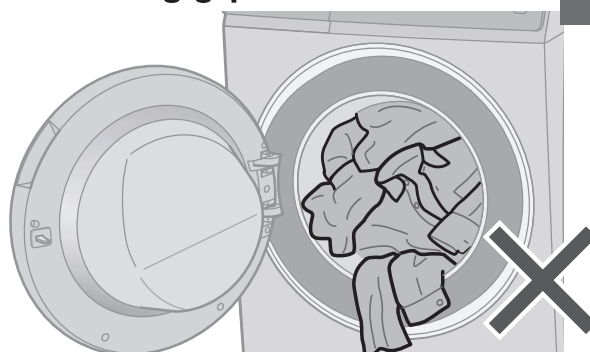


LƯU Ý

■ Không để đồ giặt bị kẹt vào cửa.



■ Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.



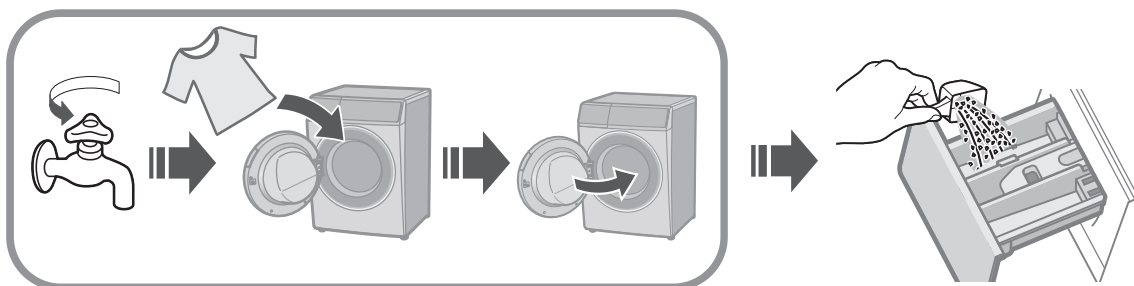
LƯU Ý

- Không mở cửa được ➡ (Tr. 27)



Giặt (tiếp)

1



2



Bật

3



Chọn chương trình. (Tr. 15)

■ Thay đổi cài đặt.



2:00

Hiển thị thời gian cần thiết (đã tính toán lại)

(ví dụ)

Cài đặt

Nhiệt độ

(Tr. 20)

Tốc độ vắt

x100 vòng/phút
(Tr. 21)

Hẹn giờ

(Tr. 21)

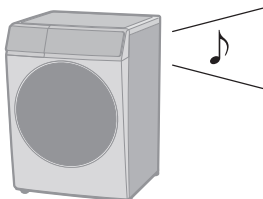
Xả tăng cường+

(Tr. 19)

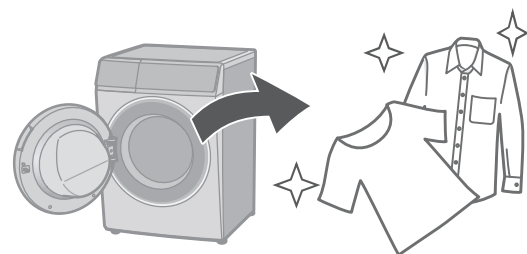
4



Khởi động

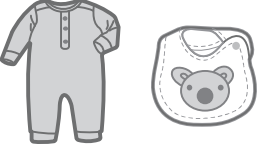


5



Danh sách chương trình

GIẶT

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)	Thời gian mặc định
Đồ Cotton	Quần áo hàng ngày (Cotton và linen) 	8,0	1:22
Đồ Trẻ Em	Quần áo dành cho trẻ nhỏ & làn da nhạy cảm. Cần xả kỹ 	5,0	2:17
Giặt Chăn	Các đồ giặt lớn 	5,0	1:46
Giặt Nhẹ	Vải vóc có chất liệu dễ hư hại 	3,0	0:59
Giặt Nhanh 15 phút	Lượng đồ giặt nhỏ và vết bẩn ít 	2,0	0:15
Vệ Sinh Lồng Giặt	Vệ sinh lồng giặt 	Không	1:22

Danh sách chương trình (tiếp)

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)	Thời gian mặc định
Sợi Tổng Hợp	Sợi hóa học, nylon hoặc loại vải tương tự khác 	5,0	1:17
Giặt Khăn	Khăn cotton, khăn tắm, v.v 	4,0	1:47
Đồ Len	Quần áo len có thể giặt bằng máy 	1,0	0:56
Áo Sơ Mi	Áo sơ mi, áo kiểu nữ và quần áo khác 	3,0	1:28
Chỉ Vắt	Chỉ vắt 	8,0	0:09
Giặt Diệt Khuẩn	Loại bỏ vết bẩn và khử trùng 	2,4	2:22

Chi tiết chương trình

Cài đặt Chương trình	Cài đặt tự động		Phạm vi cài đặt		Tính năng tùy chọn	
	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (v/phút)	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (v/phút)	Hẹn giờ	Xả tăng cường+
 Đồ Cotton	40	1000	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
 Đồ Trẻ Em	60	800	Lạnh, 20, 40, 60, 90	0, 600, 800, 1000	✓	✓
 Giặt Chăn	40	800	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
 Giặt Nhẹ	20	800	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800	✓	✓
 Giặt Nhanh 15 phút	Lạnh	800	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800	✓	✓
 Vệ Sinh Lồng Giặt	90	800	60, 90	800	✓	✓
 Sợi Tổng Hợp	40	800	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
 Giặt Khăn	60	1000	Lạnh, 20, 40, 60	0, 600, 800, 1000	✓	✓
 Đồ Len	Lạnh	600	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800	✓	✓
 Áo Sơ Mi	20	1000	Lạnh, 20, 40	0, 600, 800, 1000	✓	✓
 Chỉ Vắt	—	1000	—	0, 600, 800, 1 000	✓	—
 Giặt Diệt Khuẩn	60	1000	60, 90	0, 600, 800, 1000	✓	✓

LƯU Ý

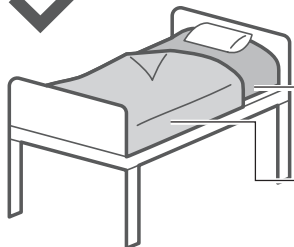
- Đối với đồ giặt thông thường ở công suất định mức, chúng tôi khuyến nghị sử dụng chương trình “Đồ Cotton, 40°C, 1000 vòng/phút, XẢ TĂNG CƯỜNG+, 2” đã được thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC 60456 về tiết kiệm năng lượng và nước.
- Nhiệt độ nước thực tế có thể khác với nhiệt độ theo chu trình đã tuyên bố.
- Các kết quả thử nghiệm tùy thuộc vào áp lực nước, độ cứng của nước, nhiệt độ đường nước vào, nhiệt độ phòng, loại và lượng đồ giặt, mức độ bẩn, bột giặt được sử dụng, dao động trong nguồn cấp điện chính và các lựa chọn bổ sung đã chọn.
- Quy trình giặt sơ chỉ áp dụng cho chế độ giặt “Đồ trẻ em”.

Mẹo giặt đồ

Giặt Chăn

■ Các đồ giặt được

- (Giặt) • (Giặt tay)
- 100% cotton hoặc 100% sợi tổng hợp



Tấm trải giường,
khăn trải giường,
tấm lót
Chăn

■ Các đồ không giặt được



Chăn điện



Len



Lụa

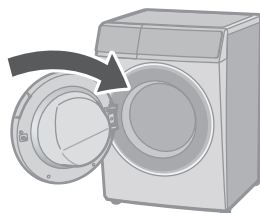


Nhung len dài

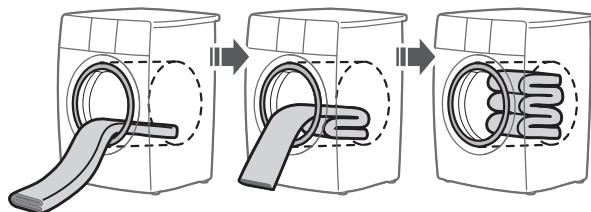
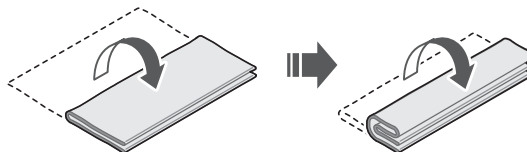


Lông thú giả

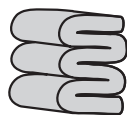
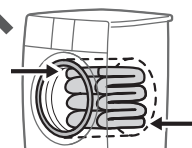
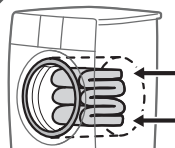
LƯU Ý



■ Cho chăn mền vào lồng giặt



LƯU Ý



Giặt Nhẹ

■ Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả tăng cường+”. (Tr. 19)

LƯU Ý



Chất tẩy

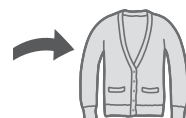
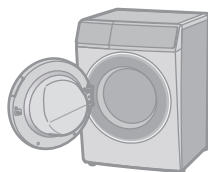


Nước giặt
cho đồ len



■ Sau khi vận hành kết thúc

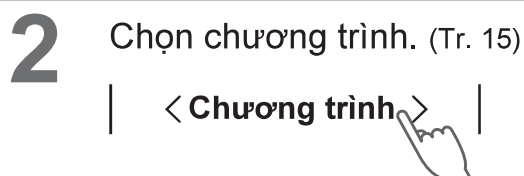
Lấy ra ngay lập tức



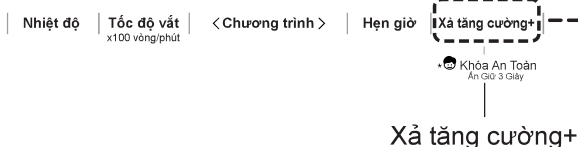
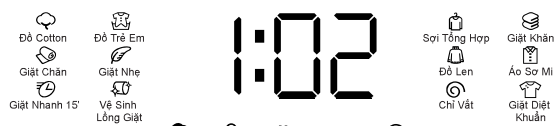
Thay đổi cài đặt chương trình

■ Chuẩn bị

- Phân loại đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm bột giặt/nước giặt. (Tr. 11)



3 Thay đổi cài đặt chương trình



- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy theo chương trình (Tr. 17)
- Một âm báo sẽ vang lên nếu bạn chọn một tùy chọn không thể sử dụng được

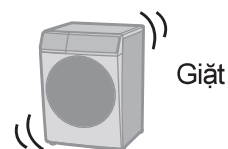


Xả tăng cường+

Thêm một lần xả.



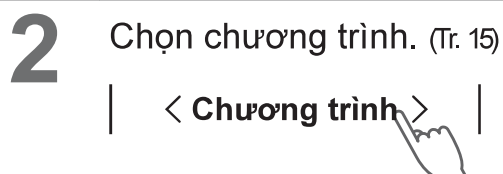
■ Để thay đổi cài đặt chương trình khi đang giặt



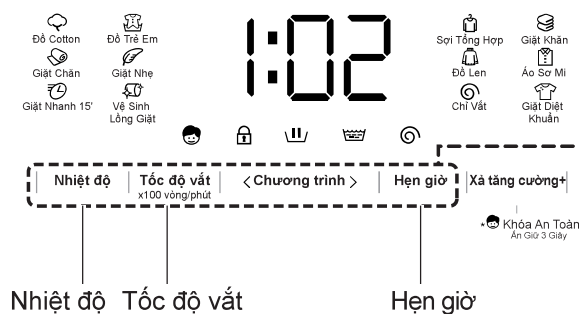
Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Phân loại đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm bột giặt/nước giặt. (Tr. 11)



3 Thay đổi cài đặt chương trình



- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy theo chương trình (Tr. 17)
- Một âm báo sẽ vang lên nếu bạn chọn một tùy chọn không thể sử dụng được



Nhiệt độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.



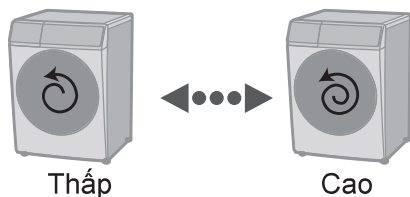
■ Hướng dẫn cài đặt

Thấp	Cao
• Đồ màu 	• Đồ trắng 
• Bắn nhẹ 	• Bắn nhiều 
• Dễ co rút	• Đồ cotton

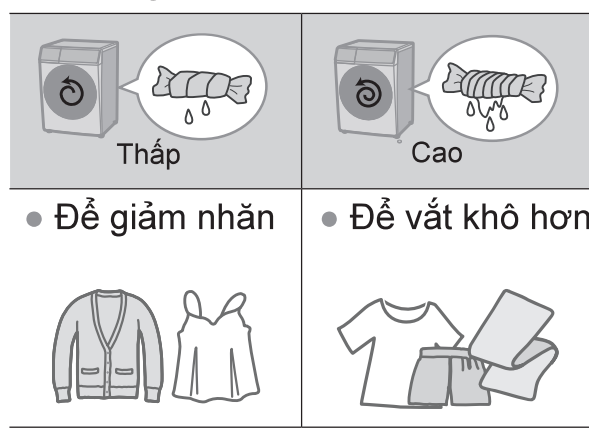


Vắt

Thay đổi tốc độ vắt.

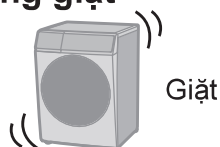


■ Hướng dẫn cài đặt



3 | Tốc độ vắt x100 vòng/phút (Tr. 17)

■ Để thay đổi cài đặt chương trình khi đang giặt



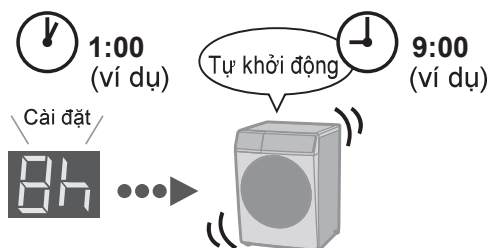
1 Tạm dừng

2 | Tốc độ vắt x100 vòng/phút

3 Khởi động

Hẹn giờ

Thiết lập máy sẽ bắt đầu vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)



3 | Hẹn giờ (ví dụ)

■ Để kiểm tra thời gian hẹn giờ

Tạm dừng

■ Để hủy cài đặt

(Tất cả cài đặt bị hủy)
Tắt

LƯU Ý

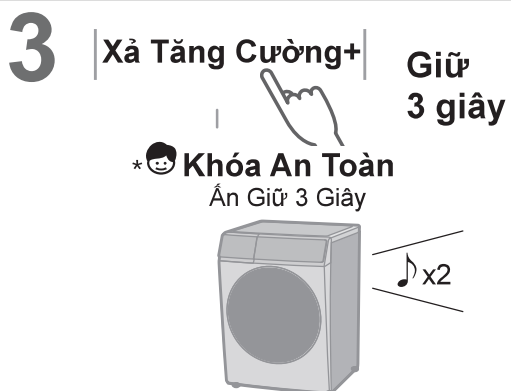
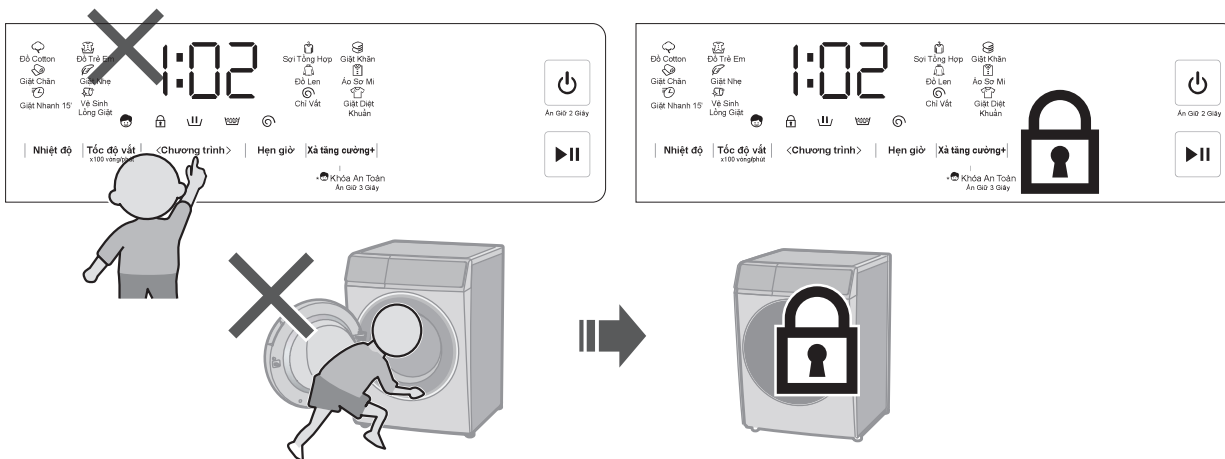
Khởi động

- Tắt cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ
- Không khả dụng: Tr. 17

Thay đổi cài đặt thiết bị

Cài đặt Khóa An Toàn

Khóa tắt cả, ngoại trừ nút Nguồn.



■ Để hủy:

Quy trình tương tự 🎵 x2

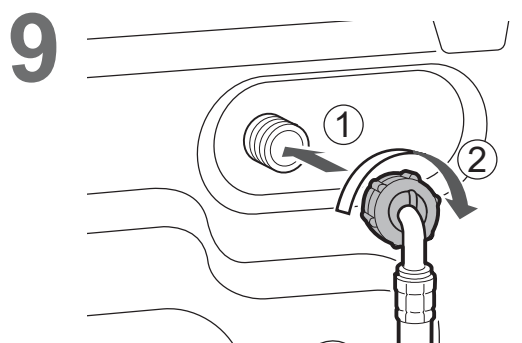
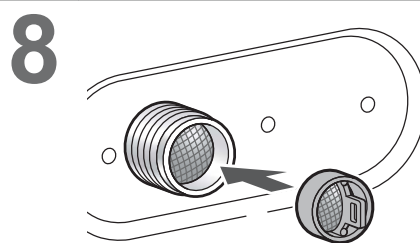
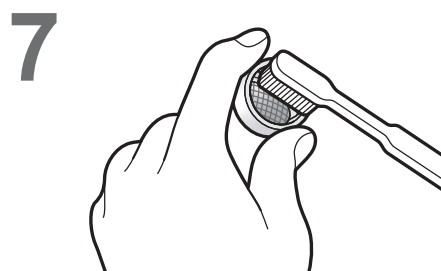
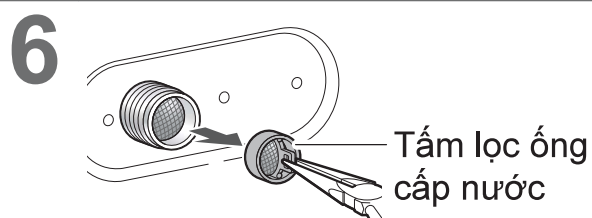
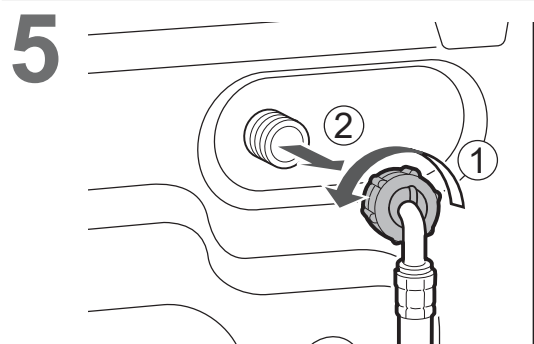
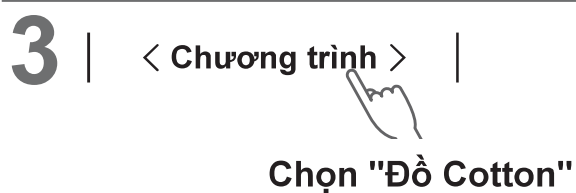
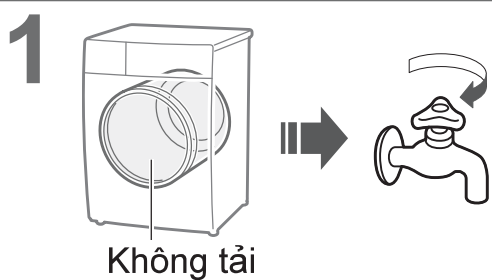
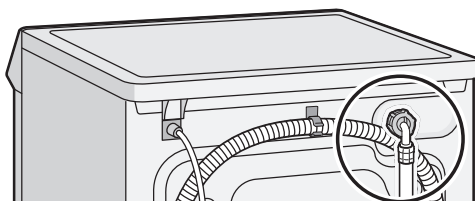
LƯU Ý

- Chức năng Khóa An Toàn không bị vô hiệu ngay cả khi đã tắt nguồn.

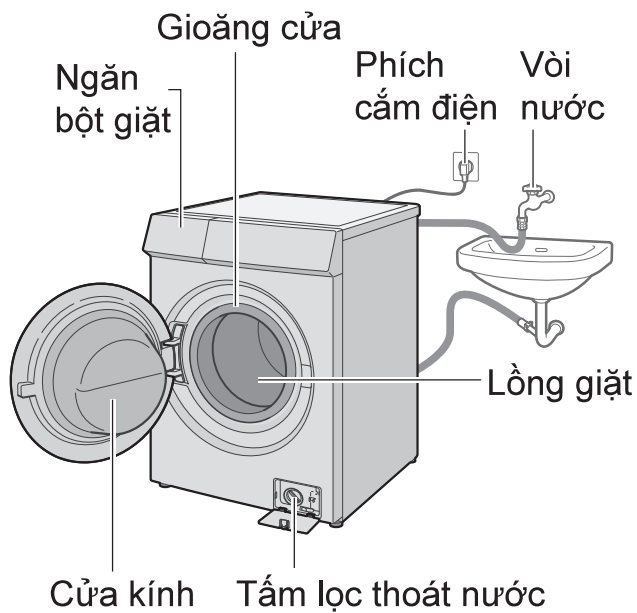
Bảo Dưỡng

Lọc ống cấp nước

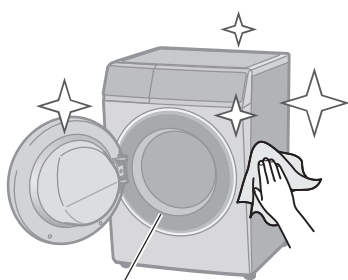
Nếu nước chảy không đều hoặc nếu xuất hiện thông báo lỗi **U 14**



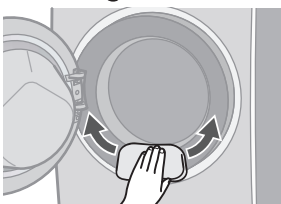
Bảo dưỡng (tiếp)



Thiết bị



Gioăng cửa



Bắn nhiều

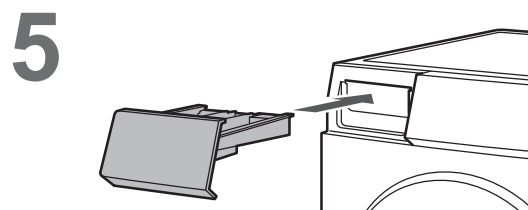
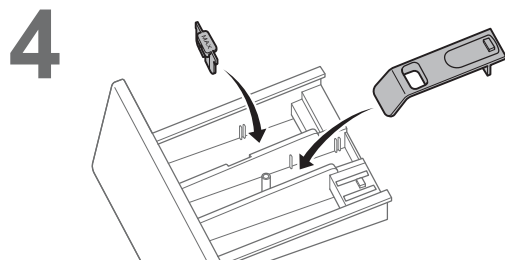
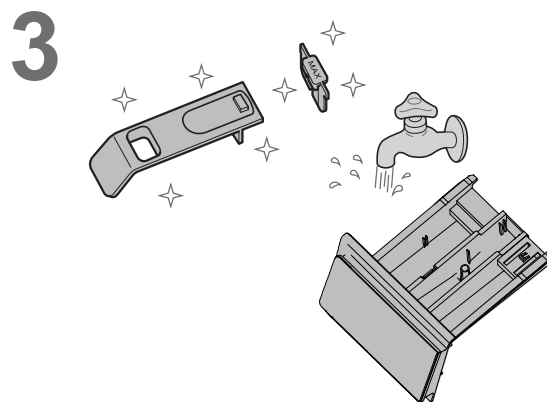
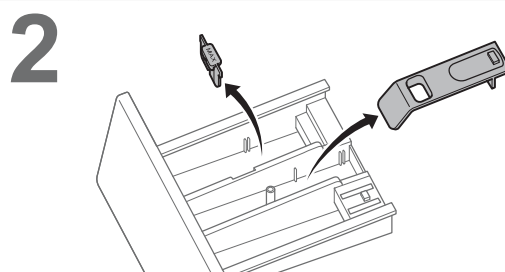
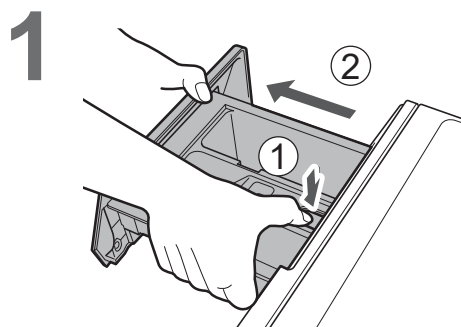


LƯU Ý



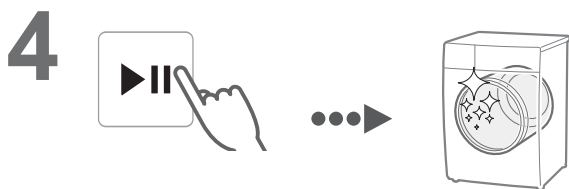
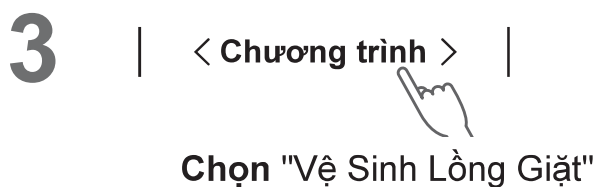
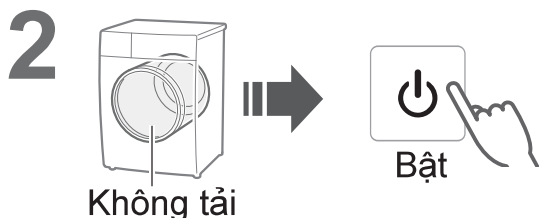
- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

Ngăn chất giặt tẩy



Lồng giặt

Mỗi tháng một lần
<Vệ Sinh Lồng Giặt>

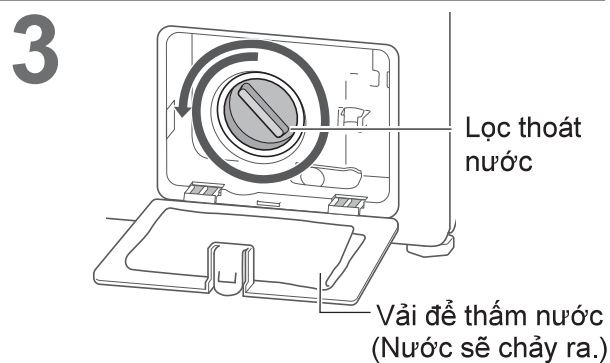
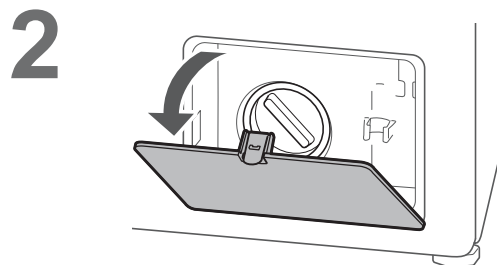
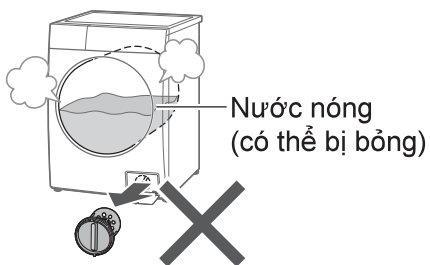


Tắm lọc thoát nước

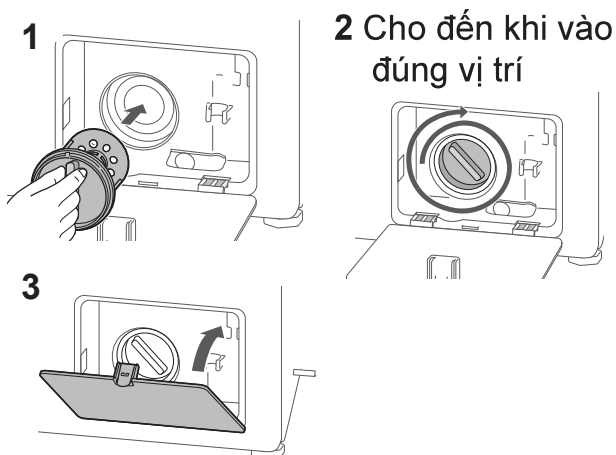
Mỗi tháng một lần hoặc nếu
xuất hiện thông báo lỗi

Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng
giặt trước khi thực hiện quy trình này

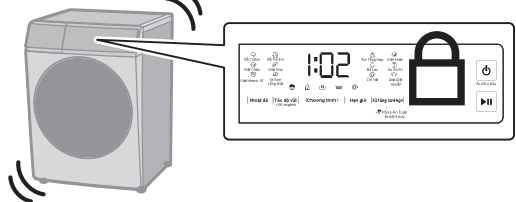
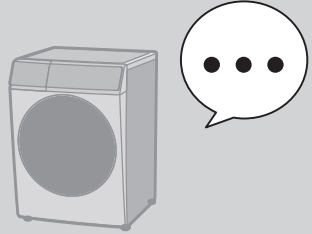
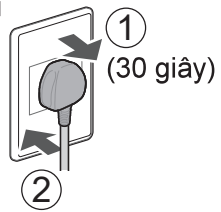
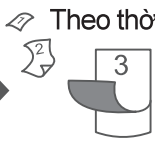
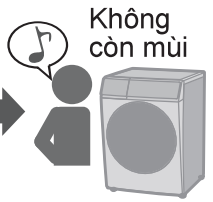
⚠ CHÚ Ý

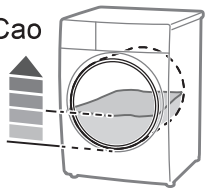
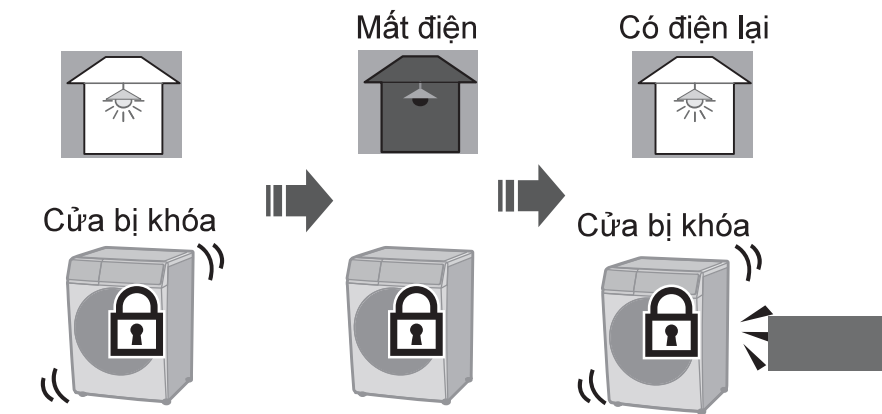
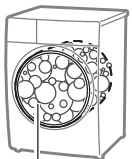
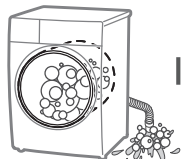
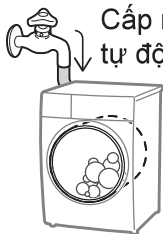


5 Thay thế

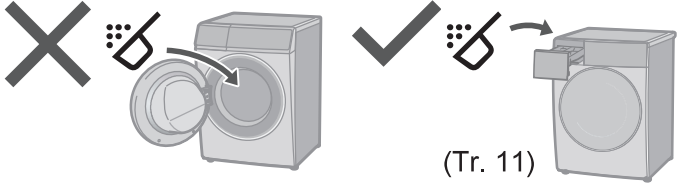
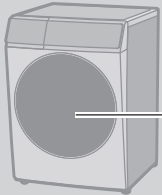
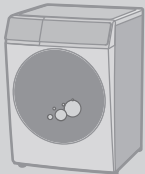
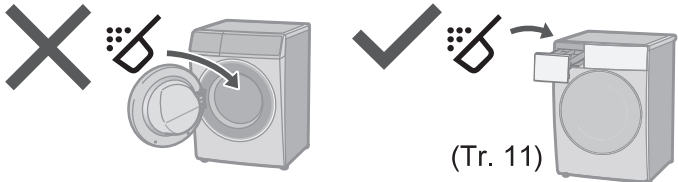
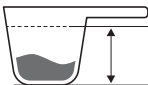
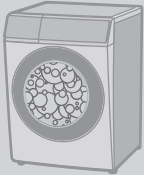
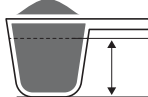


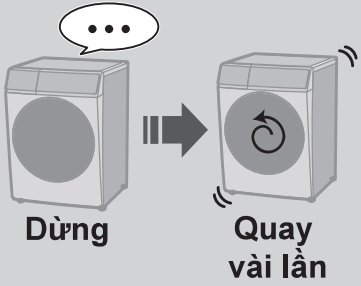
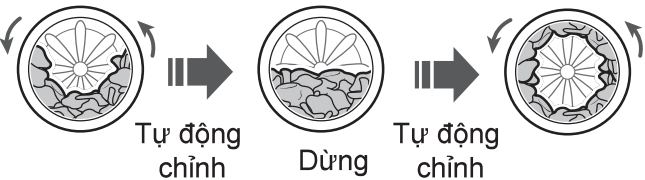
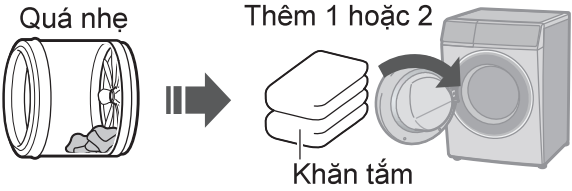
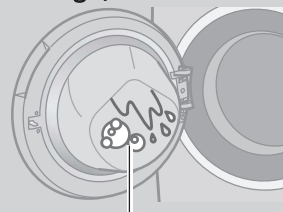
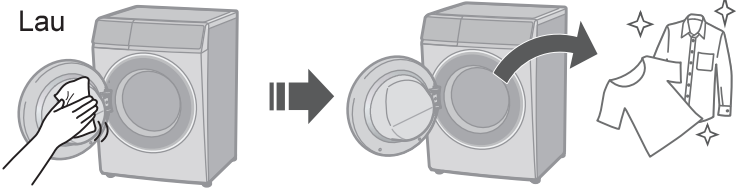
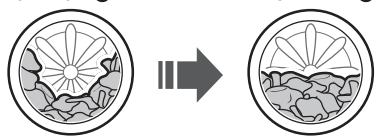
Xử Lý Sự Cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Chạm các nút  Không có phản ứng	□ Nguyên nhân có thể do • Trong khi vận hành • Khóa An Toàn đang bật  □ Thử • Khóa An Toàn (Tr. 22) 
	Không vận hành 	□ Kiểm tra • Mất điện • Hẹn giờ  □ Thử • Đóng cửa • Mở nước • Rút phích cắm và cắm lại • Ấn "Khởi động" • Bật cầu dao    (30 giây)
	Mùi cao su 	□ Nguyên nhân có thể do Các bộ phận cao su  Theo thời gian  Không còn mùi  □ Thử "Vệ Sinh Lòng Giặt" (Tr. 25)

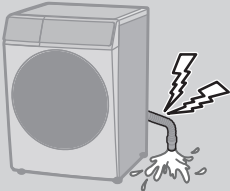
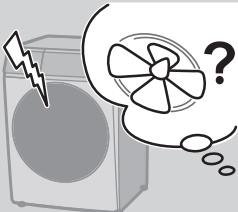
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Không mở cửa được 	□ Nguyên nhân có thể do - Trong khi vận hành (Giặt)  Cửa bị khóa □ Kiểm tra - Nhiệt độ  Cao - Mức nước  Cao LƯU Ý 
	Trong khi giặt  Xả nước	□ Nguyên nhân có thể do Bột quá nhiều  Bột Chức năng phát hiện bột  Xả nước tự động Cấp nước tự động 

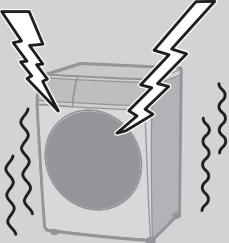
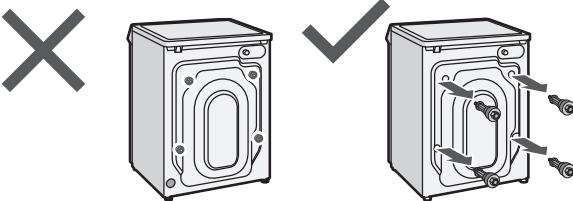
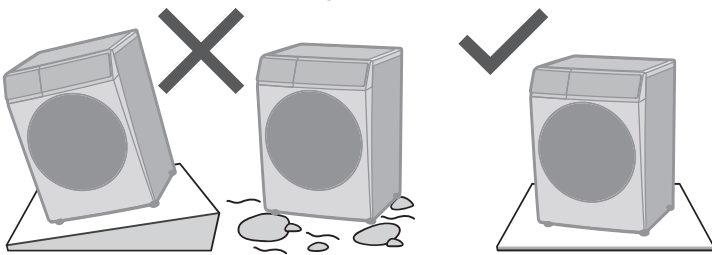
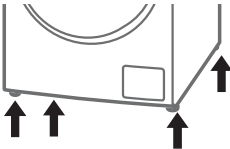
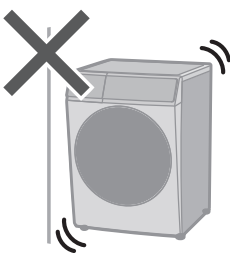
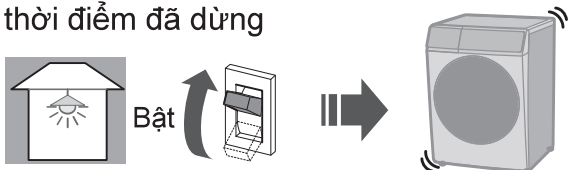
Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Bột giặt và bột	Sau khi giặt  Động lại bột giặt	□ Kiểm tra  (Tr. 11)
	 Bột	□ Nguyên nhân có thể do • Lượng bột thay đổi dựa theo: • Nhiệt độ  • Mức nước  • Độ mềm của nước 
	Không đủ 	□ Kiểm tra • Bột giặt  (Tr. 11) • Đổ vào ngăn chất giặt tẩy • Quá ít chất giặt tẩy  • Bột giặt ít bột  • Bẩn nhiều  • Tải quá lớn 
	Quá nhiều 	□ Kiểm tra • Quá nhiều bột giặt/nước giặt 

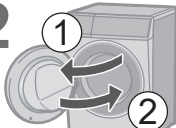
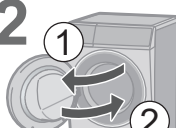
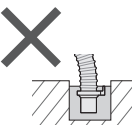
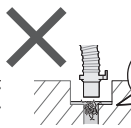
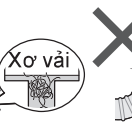
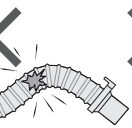
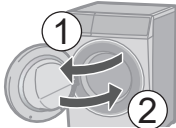
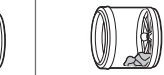
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Xả/Vắt	Trong quá trình vắt  Dừng → Quay vài lần	□ Nguyên nhân có thể do Không đồng đều → Đồng đều  Tự động chỉnh → Dừng → Tự động chỉnh □ Thử Quá nhẹ → Thêm 1 hoặc 2  Khăn tắm
	Sau khi giặt  Động bột hoặc nước	□ Thử Lau 
	Vắt thay đổi sang Xả  Vắt → Xả	□ Nguyên nhân có thể do Nếu quần áo phân bố không đều trong lồng giặt, thiết bị sẽ tự động cân chỉnh lại bằng quy trình xả 

Xử lý sự cố (tiếp)

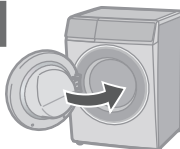
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	Trong khi giặt Thời gian hiển thị 0:57 ... 0:59 Thay đổi	□ Nguyên nhân có thể do - Thời gian hiển thị còn lại được điều chỉnh trong quá trình vận hành Xấp xỉ 0:57 ... 0:59 Đã điều chỉnh - Nếu cài đặt thay đổi - Nếu quần áo phân bổ không đều Nhiệt độ Tốc độ vắt x100 vòng/phút <Chương trình> Hẹn giờ Xả tăng cường+ Khóa An Toàn An Giã 3 Giây Thời gian còn lại có thể tăng lên.
	Thời gian còn lại Không giảm 0:57 ... 0:57 hoặc Giảm đột ngột 0:57 ... 0:40	□ Nguyên nhân có thể do Có sự sai lệch về khối lượng đồ giặt, thời gian cấp nước và thời gian cân bằng.
Tiếng ồn	Trong khi xả nước 	□ Nguyên nhân có thể do - Điều này là bình thường - Bơm thoát nước đang hoạt động.
	Tiếng quạt quay 	□ Nguyên nhân có thể do - Điều này là bình thường - Bơm thoát nước đang hoạt động.

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
	Tiếng ồn Tiếng ồn bất thường (hoặc rung) 	□ Kiểm tra • Các vật kim loại  • Bu lông neo bệ máy (Tr. 36)  • Dốc hoặc bề mặt không ổn định  • Điều chỉnh 4 chân (Tr. 36)  • Va chạm  • Quần áo phân bố không đều 
Khác	Mất điện  Cầu dao Tắt 	□ Kiểm tra • Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ thời điểm đã dừng 

Hiển thị lỗi

Mã lỗi	Mô tả mã lỗi	Các điểm cần kiểm tra
U 14	Không thể cấp nước	1 Kiểm tra 2  3  Khởi động Mất nước  Đã tắt  Lọc cấp nước (Tr. 28)  • Kiểm tra áp lực nước. (0,03 - 0,8 MPa) • Để sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng, hãy liên hệ với các trung tâm bảo hành ủy quyền.
U 11	Không thể xả nước	1 Kiểm tra 2  3  Khởi động      Xơ vải (Tr. 25) • Kiểm tra xem ống xả đã được lắp đúng cách chưa (Tr. 38) • Để sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng, hãy liên hệ với các trung tâm bảo hành ủy quyền
U 13	Không thể vắt	1 Kiểm tra 2  3  Khởi động Không đồng đều Đồng đều   Không ổn định hoặc nghiêng Ổn định   Quá nhiều Giảm   Quá ít Thêm  

Hiển thị lỗi (tiếp)

Mã lỗi	Mô tả mã lỗi	Các điểm cần kiểm tra
U 12	Cửa đang mở	  Khởi động - Để sửa chữa hoặc thay thế phụ tùng, hãy liên hệ với các trung tâm bảo hành ủy quyền 
H 01	Cảnh báo nước tràn	
H 14	Lỗi bo mạch điện tử	
H 09	Lỗi kết nối giữa bo mạch điện tử và động cơ dẫn động	   Liên hệ trung tâm bảo hành ủy quyền
H 17	Lỗi cảm biến nhiệt độ	

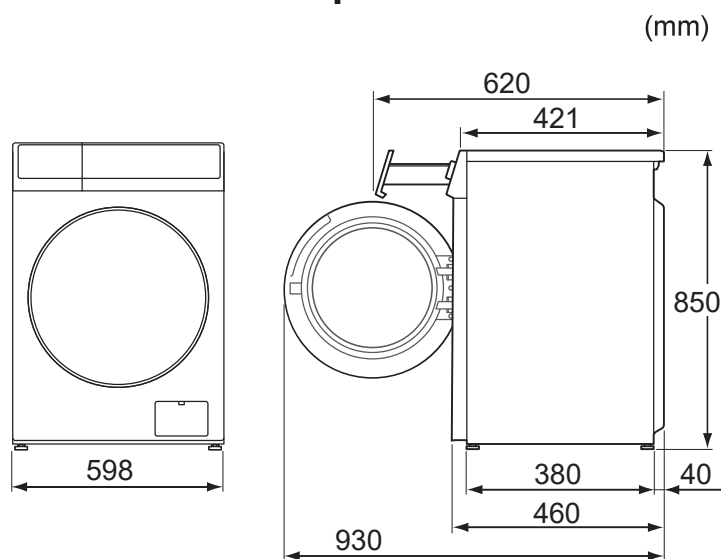
Chọn vị trí phù hợp



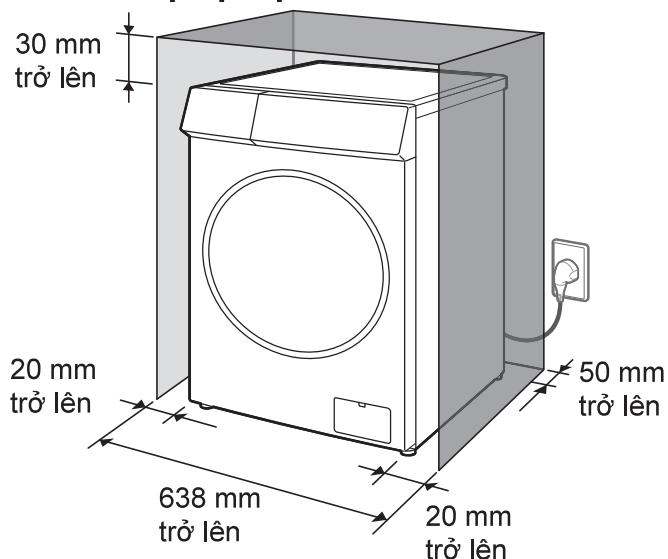
Hãy yêu cầu nhân viên dịch vụ thực hiện lắp đặt.

- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Cần tuân thủ phương pháp lắp đặt trong tài liệu này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

Kích thước sản phẩm

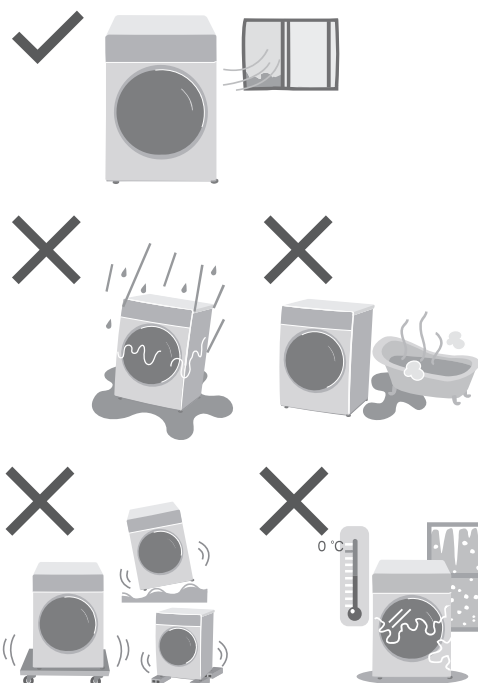


■ Chuẩn bị lắp đặt



- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

Kiểm tra vị trí



LƯU Ý

Có thể gây ra sự cố

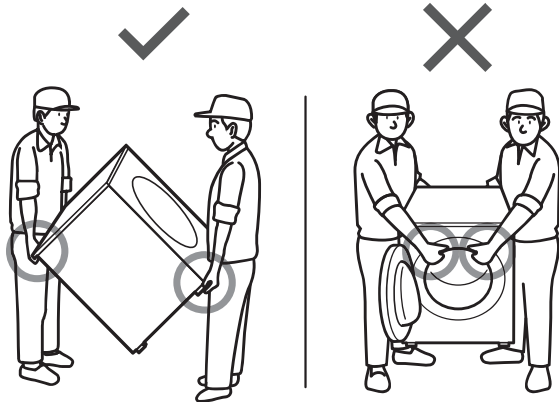


Không lắp đặt thiết bị gần các thiết bị phát ra sóng điện từ, ví dụ như nồi cơm điện IH.

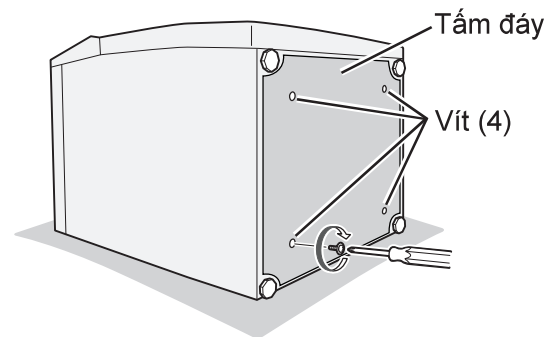
Di chuyển và Lắp đặt

Vận chuyển thiết bị

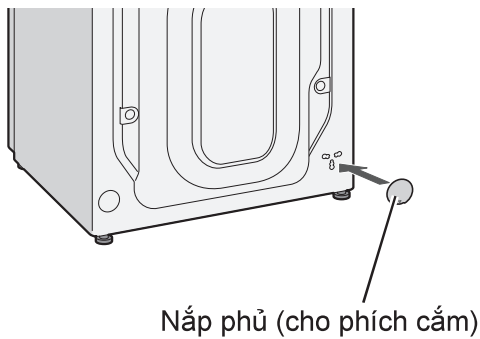
Không thực hiện một mình



Lắp tấm đáy

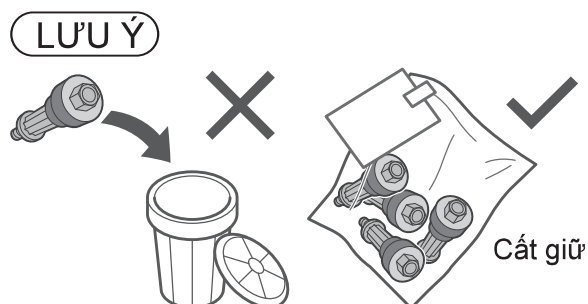
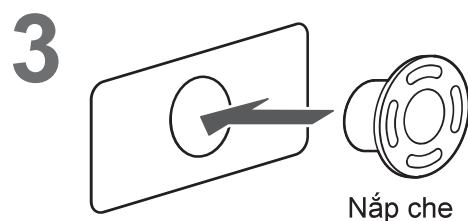
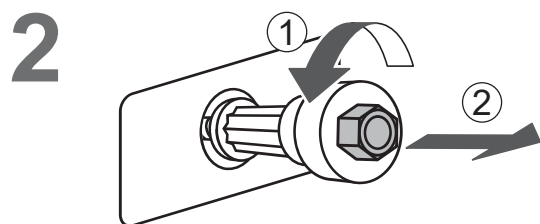
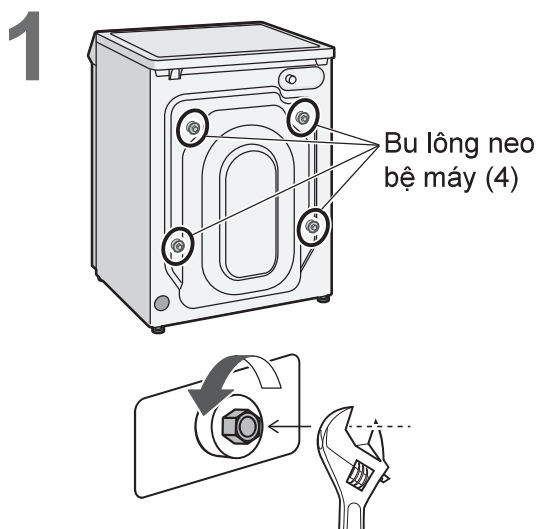


Che lỗ phích cắm

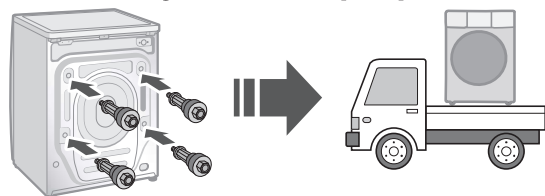


Di chuyển và Lắp đặt (tiếp)

Tháo các bu lông neo bộ máy

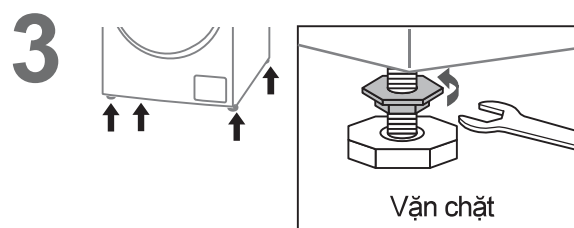
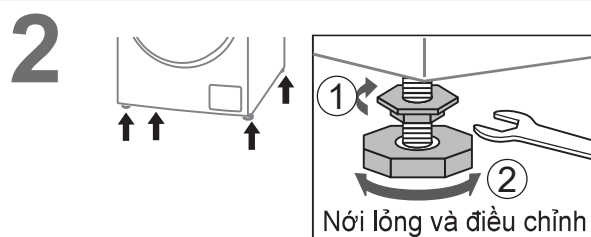
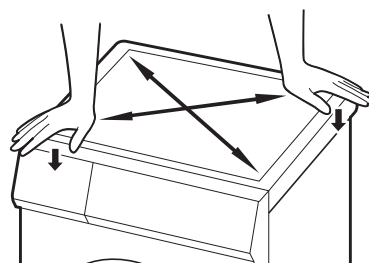


■ Di chuyển thiết bị một lần nữa

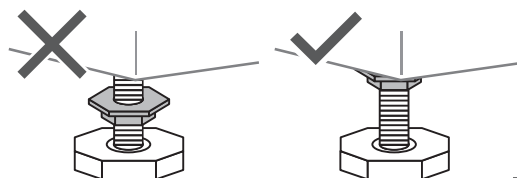


Cân bằng thiết bị

1 Ấn vào các góc đối diện nhau ở phía trên để kiểm tra xem chân máy có bị rung lắc không



LƯU Ý



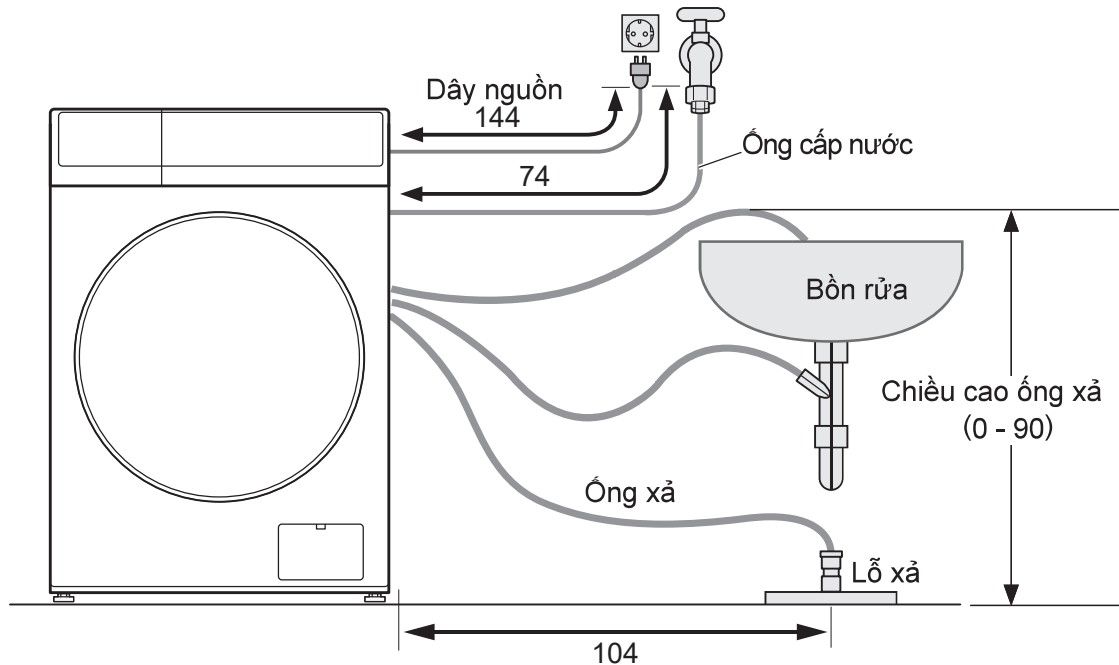
Nối đường ống

Nối đường ống đúng cách để tránh rò rỉ nước.

Khoảng cách kết nối tối đa cho các ống và dây nguồn

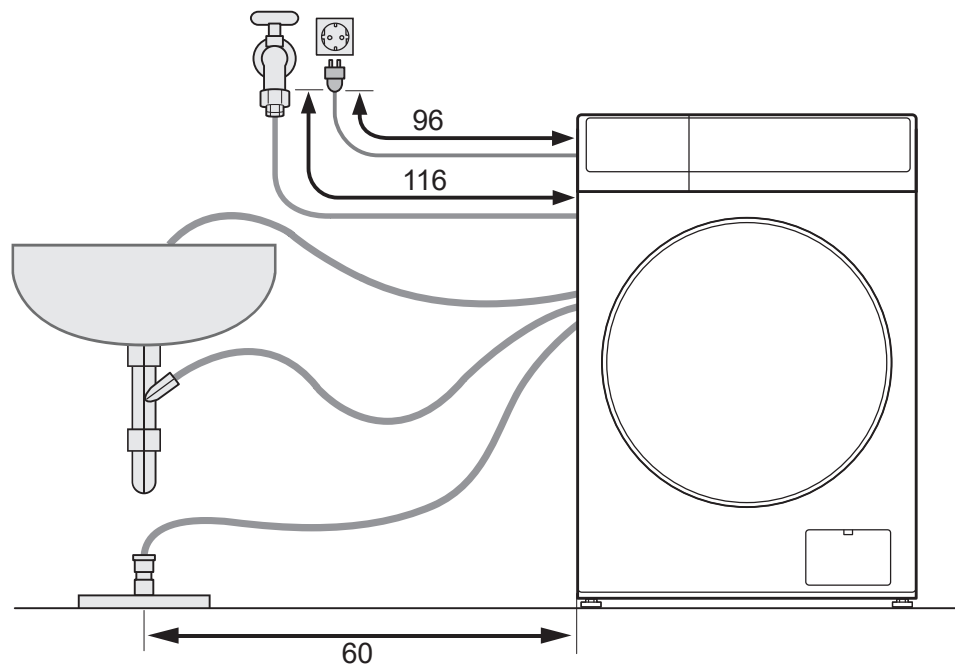
Kết nối bên phải

(cm)



Kết nối bên trái

(cm)



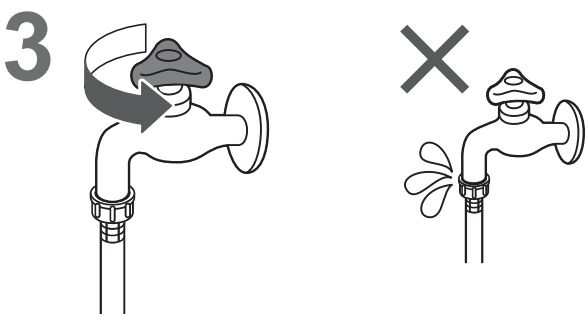
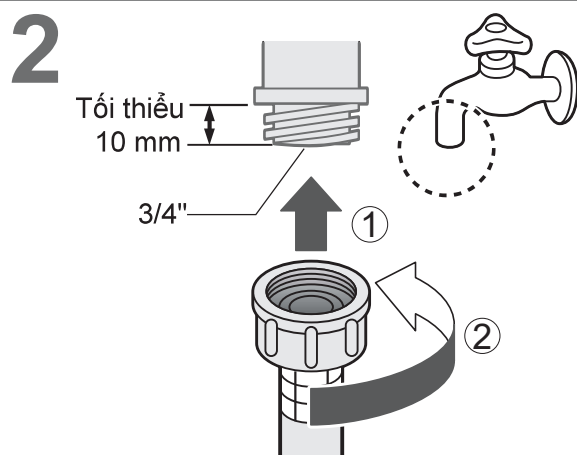
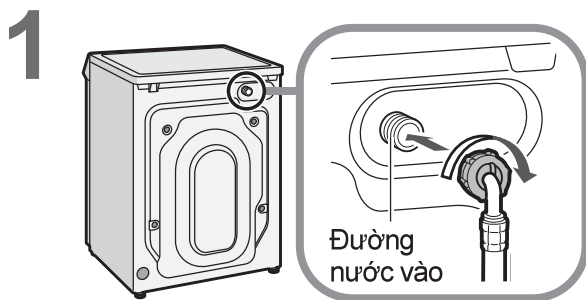
Nối đường ống (tiếp)

Ống cấp nước

■ Nối ống cấp nước

⚠ CHÚ Ý

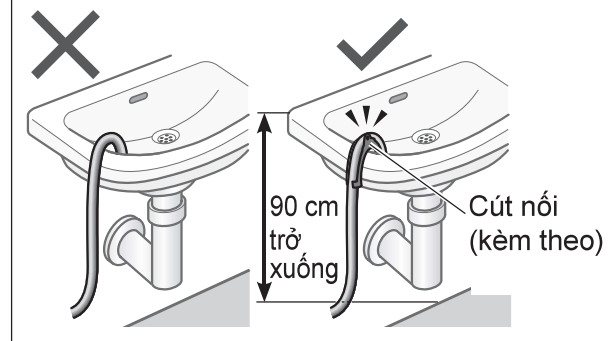
- Vặn chặt đai ốc
- Không được xoắn, ép, điều chỉnh hoặc cắt ống



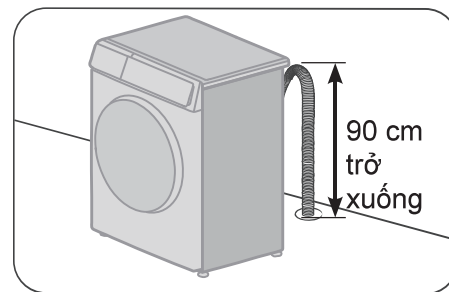
Ống xả

■ Thoát nước vào bồn rửa hoặc chậu rửa

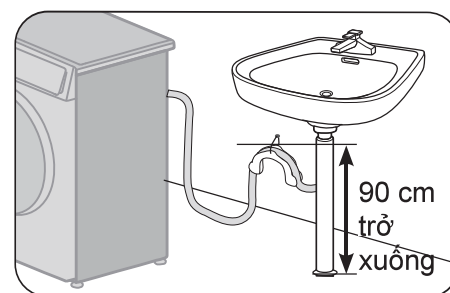
LƯU Ý



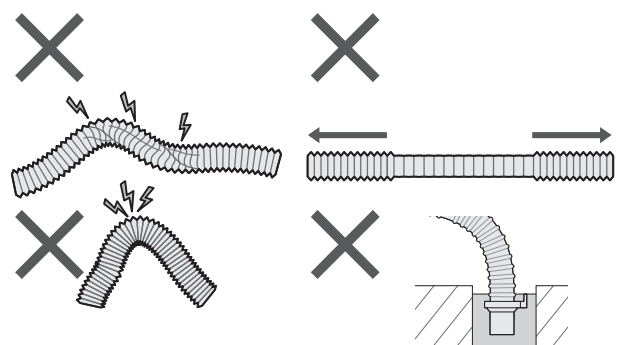
■ Thoát nước trực tiếp xuống sàn



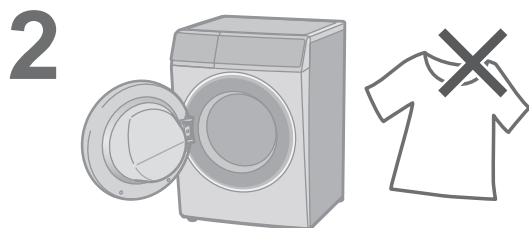
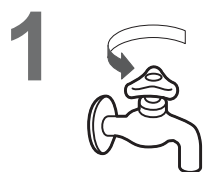
■ Thoát nước vào đường ống thoát nước của bồn rửa



LƯU Ý



Chạy thử



Kiểm tra sau khi chạy thử

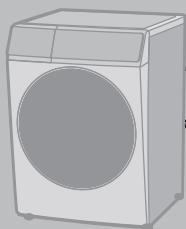
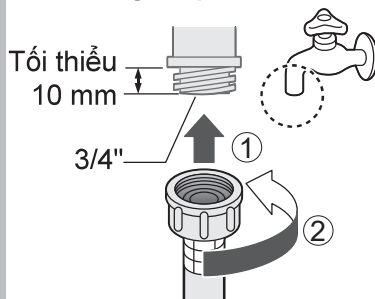
Sự cố

Rò rỉ nước



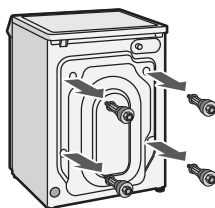
Nguyên nhân và Biện pháp

Nối ống cấp nước đúng cách

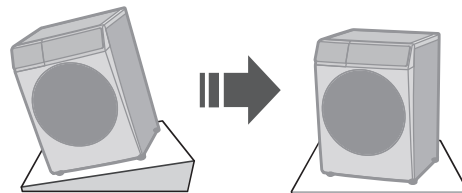


Âm thanh bất thường

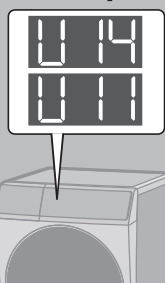
- Tháo các bu lông neo bệ máy (Tr. 36)



- Lắp đặt ổn định



Hiển thị lỗi



Xem Tr. 32.

Thông số kỹ thuật

■ Dành cho Việt Nam

	NA-164JF1
Điện áp định mức (V)	220 - 240
Tần số định mức (Hz)	50
Công suất định mức (W)	1300
Tốc độ vắt tối đa (v/phút)	1000
Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm)	598 × 515 × 850
Trọng lượng sản phẩm (kg)	54
Khối lượng quần áo khô tối đa (Giặt) (kg)	8,2
Áp suất nước máy (MPa)	0,03 - 0,8